

LUÂN LÍ SINH TỒN TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA NAM CAO VÀ NGUYỄN HUY THIỆP

Vũ Long Hiệp^{1*} và Nguyễn Thị Minh Thương²

¹Trường THPT Xa La, Hà Đông, Hà Nội

²Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Phê bình luân lí học văn học và những phương diện cơ bản của nó có tiềm năng vận dụng rộng rãi vào thực tiễn nghiên cứu văn học Việt Nam. Tuy nhiên, ở nước ta hiện nay, phê bình luân lí học văn học vẫn còn mới mẻ, chưa có nhiều công trình đi sâu khai thác. Trong bài viết này, từ việc khảo sát, phân tích truyện ngắn của Nam Cao và Nguyễn Huy Thiệp, chúng tôi tập trung tìm hiểu vấn đề luân lí sinh tồn trong truyện ngắn của hai nhà văn, phân tích và diễn giải để làm nổi bật ý thức luân lí, lựa chọn luân lí của các nhân vật. Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy cả hai nhà văn đều ý thức đưa những vấn đề liên quan đến luân lí sinh tồn vào tác phẩm của mình. Trong các vấn đề ấy, chúng tôi lựa chọn ba phương diện tiêu biểu nhất để phân tích, so sánh: ứng xử của con người trước cái đói và sự đe dọa về sinh mạng; ứng xử của con người trước bản năng tính dục; ứng xử của con người khi lí tưởng và nhân cách bị đe dọa. Hai nhà văn, tuy có cách riêng trong việc trình hiện luân lí sinh tồn, nhưng đều thể hiện một thực trạng đáng lo ngại khi con người sẵn sàng đánh đổi tất cả để thỏa mãn những nhu cầu tự nhiên, kể cả khi nó trái với luân thường.

Từ khóa: phê bình luân lí học văn học, luân lí sinh tồn, Nam Cao, Nguyễn Huy Thiệp.

1. Mở đầu

Lí thuyết phê bình có vai trò vô cùng quan trọng trong việc tìm hiểu, khám phá thực tiễn văn học, giúp soi chiếu văn học dưới các góc nhìn khác nhau. Giữa nhiều lí thuyết văn học hiện hành vừa phân cực, đối lập; vừa liên kết, bổ sung, phê bình luân lí học văn học là một khuynh hướng đã tồn tại tương đối lâu dài, được đánh giá cao trên thế giới nhưng còn ít được biết đến và vận dụng ở Việt Nam. Thập niên 80 ở phương Tây, nhà phê bình luân lí Mĩ Wayne Clayton Booth đã bàn đến phê bình luân lí phương Tây hiện đại. Năm 1987, GS Chu Hiến (朱宪) đã dịch cuốn *Tu từ học tiểu thuyết* (Nxb Đại học Bắc Kinh) của Booth đánh dấu phê bình luân lí học văn học Mĩ được tiếp nhận và truyền bá ở Trung Quốc. Từ đầu thế kỉ XXI đến nay, nhiều học giả Trung Hoa đã đi sâu phát triển hướng lí thuyết này. Người nghiên cứu tiên phong và đưa phê bình luân lí học văn học phát triển ở Trung Quốc là GS Nhiếp Trân Chiêu (聂振昭). Ông đã công bố nhiều công trình và bài báo quan trọng về phê bình luân lí học văn học, tiêu biểu như: *Về phê bình luân lí học văn học* (2005) [1], *Phê bình luân lí học văn học: thuật ngữ và lí luận cơ bản* (2010) [2], *Dẫn luận phê bình luân lí học văn học* (2014) [3], *Nghiên cứu lí luận phê bình luân lí học văn học* (2020) [4],... Ở Việt Nam, từ 2016 mới bắt đầu lác đác xuất hiện một số công trình về phê bình luân lí học văn học. *Phát triển phê bình luân lí học văn học*

Ngày nhận bài: 2/1/2023. Ngày sửa bài: 22/1/2023. Ngày nhận đăng: 10/2/2023.

Tác giả liên hệ: Vũ Long Hiệp. Địa chỉ e-mail: hiiepvuhnue@gmail.com

ở Việt Nam hiện nay [5] là bài viết đầu tiên giới thiệu hướng phê bình này ở Việt Nam. Bài viết đã khái lược tình hình nghiên cứu phê bình luân lý trên thế giới, đặc biệt nhấn mạnh nghiên cứu luân lý học văn học bị lấn át bởi hướng nghiên cứu nội tại văn bản trong một thời gian dài, nhưng đã phục hưng cùng với chuyển hướng nghiên cứu văn hóa trong văn học từ những năm 80 của thế kỉ XX. Bài viết đã khẳng định phê bình luân lý học văn học là một phương pháp nghiên cứu văn học đặc thù: nó có mối quan hệ gần gũi với luân lý học, nhưng không giống phê bình luân lý đạo đức thuần túy. Điều mà nó quan tâm là phân tích, lí giải các hiện tượng đạo đức trong thế giới do nhà văn sáng tạo ra, một thế giới nghệ thuật có không gian, thời gian, quy luật và số phận riêng. Trong quá trình phân tích lí giải đó, phương pháp phê bình luân lý học văn học chú ý đảm bảo nguyên tắc thâm mĩ, ứng xử với vấn đề đạo đức như ứng xử với một sản phẩm của sáng tạo nghệ thuật. Tiếp đến là Nguyễn Anh Dân với các bài viết: *Về Phê bình luân lý học văn học* [6]; *Adam, Eva, trái cấm vườn địa đàng và phê bình luân lý học văn học* [7], *Nhiếp Trân Chiêu và lí thuyết phê bình luân lý học văn học* [8]..., Nguyễn Anh Dân giới thiệu về phương pháp nghiên cứu, phê bình của Nhiếp Trân Chiêu: Phương pháp này nhấn mạnh đến lập trường luân lý, yêu cầu nhà nghiên cứu quay lại hiện trường lịch sử, luân lý đặc thù để bình giá văn học, từ đó đưa ra những bài học, khái thị về đạo đức, luân lý cho độc giả. Có thể nói, tuy đã được đề cập trong một vài bài báo và luận văn, nhưng phê bình luân lý học văn học ở Việt Nam vẫn còn là một khoảng trống, chưa thực sự được quan tâm, mặc dù tiềm năng để nghiên cứu theo hướng này rất phong phú.

Nhắc đến vấn đề sinh tồn, người ta thường nhắc đến vấn đề sống chết của sinh vật nói chung, con người nói riêng trước sự đào thải của chọn lọc tự nhiên, là các vấn đề mà con người phải đối mặt trong cuộc sống, như: mưu sinh, những lựa chọn sinh mạng khi bị đặt vào các tình thế khắc nghiệt. Sinh tồn là vấn đề muôn thuở của con người, cũng là một trong những vấn đề quan trọng bậc nhất mà phê bình luân lý học văn học quan tâm. Trong các nghiên cứu về truyện ngắn của Nam Cao và Nguyễn Huy Thiệp, vấn đề luân lý sinh tồn chưa thực sự được nhắc đến một cách chủ đích và có hệ thống. Bàn luận về luân lý sinh tồn trong các công trình về hai tác giả này, do đó, vẫn chỉ chìm khuất sau các đối tượng nghiên cứu khác. Bài viết này, từ tiền đề khảo sát truyện ngắn của Nam Cao và Nguyễn Huy Thiệp, tiến hành phân tích, lí giải và so sánh các phương diện của luân lý sinh tồn trong truyện ngắn của hai nhà văn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phê bình luân lý học văn học và luân lý sinh tồn

Phê bình luân lý học văn học là ngành khoa học giải thích, phân tích tác phẩm văn học dựa trên quan điểm của luân lý học. Tuy nhiên, cần lưu ý văn học thuộc các giai đoạn khác nhau, các quan điểm lịch sử khác nhau thì hoàn cảnh luân lý và kết luận luân lý cũng khác nhau. Phê bình luân lý học văn học, từ đó, thông qua việc thông diễn văn bản văn học để phát hiện quá trình hình thành vấn đề luân lý trong văn bản và tiến hành giải quyết những vấn đề đó. Do đó, “đối tượng nghiên cứu của phê bình luân lý học văn học lại là các hiện tượng đạo đức trong thế giới sáng tạo bằng ngôn từ hiện thực, giống hiện thực mà không phải hiện thực, từ đó đưa ra các phán đoán thâm mĩ” [5; 55]. Phương pháp này nhấn mạnh đến lập trường luân lý, yêu cầu nhà nghiên cứu đặt tác phẩm vào bối cảnh lịch sử đặc thù để đánh giá, từ đó đem đến cho độc giả những thức nhận về vấn đề luân lý trong tác phẩm. Với việc nhấn mạnh đến chức năng giáo huấn, phê bình luân lý học văn học đã tạo thành một trường phái nhân văn mới trong nghiên cứu văn học. Về khả năng vận dụng, phê bình luân lý học văn học có nền tảng lí luận vững chắc, hệ thống khái niệm công cụ đa dạng, giúp người nghiên cứu có thể dễ dàng sử dụng trong các nghiên cứu trường hợp. “Chúng ta có thể sử dụng các thuật ngữ công cụ như ý thức luân lý, trật tự luân lý, cấm kỵ luân lý, hoàn cảnh luân lý, căn cước luân lý, hỗn loạn luân lý, tuyến luân lý chi phối, liên kết

các sự kiện luân lí và xung đột luân lí. Các thuật ngữ này giúp nhà phê bình có thể thao tác được lí thuyết nhằm ứng dụng vào nghiên cứu các hiện tượng văn học cụ thể” [5; 56, 57].

Luân lí sinh tồn là một trong những vấn đề quan trọng mà phê bình luân lí học văn học quan tâm. Theo đó, con người tồn tại với hai tư cách: một là con người tự nhiên, tức là con người có bản năng sinh học với những nhu cầu tồn tại cơ bản nhất của một sinh thể sống; thứ hai là con người xã hội, tức là con người với những mối quan hệ nảy sinh trong môi trường xã hội - con người có phẩm chất, nhân cách, lí tưởng. Ở đây, khi đặt ra vấn đề sinh tồn của con người, chúng tôi không chỉ muốn đề cập đến vấn đề tồn tại của con người sinh học mà còn quan tâm đến vấn đề tồn tại của con người xã hội, tức là con người với nhu cầu được sống đúng với tư cách là một con người. Nói cách khác, tìm hiểu luân lí sinh tồn trong phê bình luân lí học văn học có nghĩa là nghiên cứu những ứng xử của con người trước vấn đề sinh tồn (miếng cơm, manh áo, bản năng, khát vọng, lí tưởng, nhân cách,...). Trước những vấn đề ấy, các nhân vật trong tác phẩm buộc phải đưa ra lựa chọn ứng xử mang tính đạo đức, có luân lí hay phi luân, vô đạo.

2.2. Những ứng xử trước vấn đề sinh tồn trong truyện ngắn của Nam Cao và Nguyễn Huy Thiệp

2.2.1. Ứng xử của con người trước cái đói và sự đe dọa về sinh mạng

Vượt qua đói khát luôn là một trong những thử thách sinh tồn khó khăn nhất. Trong hoàn cảnh ấy, con người thường níu giữ lấy sự sống bằng việc cố hết sức mình để kiếm được cái ăn hoặc ăn tất cả những gì có thể kiếm được. Sự đe dọa của cái đói, vì thế, trở thành một đề tài luôn tra vấn, dằn vặt trong tác phẩm của nhiều nhà văn.

Trước Cách mạng tháng Tám, Nam Cao là nhà văn thành công ở mảng đề tài miếng ăn và cái đói, nói chính xác hơn là cái khổ và cái nhục của con người để có được miếng ăn trong hoàn cảnh đói kém. GS. Nguyễn Đăng Mạnh đã gọi ông là “cây bút viết về cái đói và miếng ăn nhiều hơn cả và viết một cách sâu sắc, cay đắng, day dứt hơn cả” [9; 189]. Tác phẩm của Nam Cao, dù ở mảng đề tài người nông dân hay người trí thức, cái đói và hình ảnh con người chết đói xuất hiện với tần số dày đặc. Thậm chí, nhiều truyện ngắn có nhan đề liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến cái đói và miếng ăn: *Đôi móng giò*, *Trẻ con không được ăn thịt chó*, *Trẻ con không biết đói*, *Một bữa no...* Bức tranh người đói cũng rất đa dạng: trẻ con đói, thanh niên đói, người ở độ tuổi trung niên đói, người già đói,... Có khi cái đói hiện lên điềm nhiên, khách quan, đầy tính “quá trình” từ điểm nhìn của người ngoài cuộc: “Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc” [10; 414]. Có khi nhà văn nhập thân vào nhân vật, sử dụng điểm nhìn bên trong và ngôn ngữ nửa trực tiếp để khắc họa cái đói của một bà già nửa đêm hờ con: “Mấy hôm nay bà nhịn đói. Bởi thế bà lại đem con ra hờ. Bà hờ thê thảm lắm. Bà hờ suốt đêm. Bà khóc đến gần mồn hết ra thành nước mắt. Đến gần sáng, bà không còn sức mà khóc nữa. Bà nằm ẹp bụng xuống chiếu, nghĩ ngợi” [10; 384].

Hay ở truyện ngắn *Nghèo*, Nam Cao đã tái hiện thật chân thực và đau đớn cuộc đời bất hạnh, cực nhục của những người nông dân. Ngay từ cách đặt nhan đề, Nam Cao đã gợi mở cho người đọc một tình huống đầy bi đát, buồn thảm. Cái đói và cái nghèo luôn song hành, sánh đôi nhau cùng níu chặt lấy cuộc đời những người nông dân vốn không hề hạnh phúc. Cái đói ẩn đằng sau nhan đề mà hình như tác giả cố đặt chệch đi, cái đói hiện diện ngay trong không khí mở đầu truyện căng thẳng, đầy mâu thuẫn:

“- Bu oi con đói....

Lần này có lẽ là lần thứ mười, thằng cu bé chạy về đòi ăn, chị dĩ Chuột đang quấy một nồi gì trong bếp, cúi tiết chạy ra mắng át nó đi:

- Đã bảo hết cơm rồi, tí nữa chè chín thì ăn chè mà!" [10; 73].

Cái đói ấy sẽ còn trở đi trở lại trong phần sau của truyện, như một điệp khúc dai dẳng, thê lương.

Chính trong cái đói, trong sự chọn lọc đầy khắc nghiệt của tự nhiên, những nhân vật của Nam Cao sẽ tự đặt bản thân về một trong hai phe, mà cơ sở chính là ở *sự lựa chọn luân lí* của họ. Phía bên này, lựa chọn thỏa mãn nhu cầu của bản thân, điển hình là người bà trong *Một bữa no*. Trước tình huống luân lí là cái đói và sự đe dọa của cái đói, bà cái Đĩ chấp nhận đánh đổi nhân phẩm để có được miếng ăn. Cái chết no như bà thực chất cũng là một kiểu chết đói, một cái chết vừa đau đớn, vừa cực nhục vì phải đánh mất phẩm giá và lòng tự trọng. Đứng ở góc độ của phê bình luân lí học văn học, đây là *nhân vật có ý thức luân lí rõ rệt*. Bà hiểu sự khinh bạc của gia đình phó Thụ với những người nghèo khổ, già cả, ốm yếu; bà hiểu việc mình lên thăm có ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu gái, hiểu sự nhục nhã của phận ăn rình, ăn chực... Thế nhưng, bà vẫn lựa chọn đánh đổi lòng tự trọng để lấy một bữa no, bởi trong tình huống luân lí đặt ra yêu cầu phải lựa chọn giữa cái chết và nỗi nhục, bà đã lựa chọn tiếp tục sống, dù đó là một cuộc sống tạm bợ, đón hèn.

Đối lập với những người lựa chọn thỏa mãn nhu cầu của bản thân, Nam Cao xây dựng một loạt những nhân vật có lối sống ngay thẳng, dù phải đối diện với cái chết bi thảm. Anh Đĩ Chuột ốm đau suốt mấy tháng trời, anh hiểu nỗi khổ của người vợ trong cơn "thóc cao gạo kém" phải ngược xuôi vay tiền chạy chữa thuốc thang, hiểu nỗi cực của con phải ăn "chè khoán" nấu từ cám để qua cơn đói, hiểu cả nỗi nhục khi vợ mình phải chịu những lời cay nghiệt của chủ nợ để được mang gạo về nuôi hai đứa con đói khổ và người chồng đau ốm. Số phận của người nông dân hiện lên lam lũ, bất hạnh, bị đe dọa bởi cái nghèo, cái đói, bởi nợ nần, bệnh tật. Nam Cao vừa gợi sự thương cảm về số phận hẩm hiu, bất hạnh của gia đình anh Chuột, vừa đem đến cho người đọc cái chua chát toát lên từ sự lựa chọn luân lí của anh. Cái chết của nhân vật vừa đại diện cho số phận bi thảm của những người nông dân trong xã hội cũ, vừa là sự cảm thương đến tột cùng của Nam Cao trước những kiếp người bất hạnh, lâm than. Anh Chuột lựa chọn cái chết để không phải chứng kiến viễn cảnh thảm thương mà anh biết chắc sẽ xảy đến với gia đình.

Khác với Nam Cao thường đặt nhân vật của mình vào trong tình huống điển hình là cái đói, Nguyễn Huy Thiệp dường như ít khi lựa chọn cái đói làm phép thử lương tri cho nhân vật. Dù vậy, cái đói vẫn xuất hiện trong những truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp một cách đầy ám ảnh. Trong truyện *Con thú lớn nhất*, cái đói ập đến với cả bản Hua Tát một cách bất ngờ. Người ta nói rằng đó là sự trừng phạt của Thiên dành cho những con người đã phá hoại môi trường, phá hoại tự nhiên, săn bắn động vật một cách tàn nhẫn và bất quy tắc. Do đó, nạn đói, thiên tai dịch họa ập đến với bản người Hua Tát khi lão thợ săn dám bắn chết con công và giữ bộ lông tuyệt đẹp của nó như một chiến lợi phẩm. Trước cái đói, những con người tàn nhẫn, ruồng bỏ tự nhiên được nhà văn miêu tả thật xấu xí và yếu ớt: "Người lão mệt lả. Đầu gối lão chùn xuống, các bắp thịt nhão ra tưởng chừng có thể dùng tay bấu được, như bấu những con vắt nhều bết máu..." [11; 17]. Thế nhưng sự tàn nhẫn của con người vẫn tiếp diễn, Nguyễn Huy Thiệp tiếp tục đẩy người thợ săn vào một tình huống luân lí khác. Sau khi vô tình bắn chết người vợ của mình, lão đã lựa chọn từ bỏ cảm giác hối lỗi và sự chuộc tội cần phải có, thay vào đó là hành động lấy xác vợ làm mồi để săn "con thú lớn nhất cuộc đời mình" [11; 17]. Chối bỏ sự nhân từ, vị tha của đại tự nhiên; chối bỏ bản chất "người", lão trở về với sự yếu hèn, vô ơn, vô cảm, bất nhân. Và chất thú ấy chính là con thú lớn nhất mà người thợ săn đã săn được. Truyện kết lại trong hình ảnh tạo nên sự ám ảnh sâu sắc với người đọc: "Ba ngày sau người ta lôi cái xác còng queo của lão ra khỏi bụi cây. Một vết đạn xuyên qua trán lão, lão đã bắn được con thú lớn nhất đời mình" [11; 17].

Trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp, còn nhiều nhân vật giống như người thợ săn, sẵn sàng từ bỏ tất cả để có tiền, có miếng ăn, để không bị đói và có một cuộc sống sung túc. Đó là lão Hạ, cô Diệu trong truyện *Cún*, là Hạnh trong *Huyền thoại phố phường*... So với Nam Cao, Nguyễn Huy Thiệp chỉ xây dựng những *nhân vật chịu tuyến luân lí ác chi phối*. Ông không đặt niềm tin vào khát khao quay về nẻo thiện của con người, chủ yếu xây dựng những con người sẵn sàng chà đạp lên kẻ khác để có cái ăn, làm bất cứ điều gì để tiếp tục tồn tại.

Trong tác phẩm của Nam Cao, có nhiều nhân vật, do hoàn cảnh loạn lạc, công lí mịt mờ mà bị đẩy vào tình cảnh tính mạng ngàn cân treo sợi tóc. Trong những khoảnh khắc ấy, các nhân vật đã phát lộ những điều sâu thẳm nhất trong tâm hồn. Chính khi ấy, những lựa chọn luân lí mới phản ánh bản chất người trong họ. Ở truyện ngắn *Nửa đêm*, nhân vật bà quản Thích, một người đàn bà nhân đức nổi tiếng cả vùng, khi nhìn thấy đứa con nuôi “thiên lôi” Trương Rự muốn giết vợ đã vô cùng lo lắng. Bà không quan tâm đến sự nguy hiểm của mình mà lao vào cứu giúp, can ngăn con nuôi hung ác, không muốn một mạng người phải chết oan uổng. Sự lựa chọn ấy diễn ra trong một khoảng thời gian rất ngắn, hầu như không kịp suy nghĩ. Điều ấy chứng tỏ lòng nhân hậu, sẵn sàng hi sinh bản thân để cứu người khác, cứu mạng người khác, giống như khi bà cứu mạng Trương Rự và sau này là nhân vật Đức - “thiên lôi con”. Đây là nhân vật thuộc *tuyến luân lí thiện* nhất quán từ đầu đến cuối tác phẩm, là nơi kí thác niềm tin của Nam Cao vào nhân tính, tình người.

Nam Cao thường đặt nhân vật trong những tình huống phức tạp với những trường đoạn tâm lí để tái hiện “tính chất nhiều dự định của cá tính con người, động cơ nội tại của hành vi nhân vật và quan hệ phức tạp của nó với hiện thực xung quanh” [12; 286]. Trái lại, Nguyễn Huy Thiệp thường xuyên đẩy nhân vật vào những tình huống bất ngờ, đột ngột, cốt làm nổi bật sự lựa chọn trong những khoảnh khắc đầy căng thẳng. Hơn thế, ông còn đưa ra nhiều cách ứng xử khi nhân vật đứng trước sự lựa chọn liên quan đến mạng sống của bản thân mình: Có người sống thực dụng, ích kỉ, nhỏ nhen, nhưng cũng có người sẵn sàng bất chấp hiểm nguy, bất chấp tính mạng của bản thân để cứu người.

Trong *Sang sông*, khi tay cậu bé bị mắc kẹt trong bình và hai tên buôn đồ cổ đe dọa, uy hiếp bắt đền người mẹ, những người rao giảng đạo đức và triết lí như nhà sư, nhà thơ và nhà giáo thì lặng thinh, run rẩy, không dám giúp đỡ. Họ sợ liên lụy đến tính mạng của bản thân. Tình huống truyện được tạo nên từ những *xung đột luân lí*: trong lúc nhà thơ hốt hoảng, nhà giáo bất lực, thầy tu càng bất lực hơn thì đôi trai gái với hành động đáng chê trách ban đầu dám đứng ra, lấy chiếc nhẫn vàng trên tay của mình đưa cho hai kẻ buôn đồ cổ, bảo vệ tính mạng của đứa bé. Kì lạ hơn, tên cướp vốn là kẻ sống ích kỉ, vụ lợi, vô cảm thì giờ đây lại thương xót trước hoàn cảnh của đứa bé và người mẹ. Tên cướp nói với hai người buôn đồ cổ: “Thôi đi! Trẻ con là tương lai đây! Làm gì cũng phải nhân đức hàng đầu” [11; 304]. Cuối cùng, chính tên cướp mà mọi người dè dặt, sợ hãi lại là người cầm chiếc cò trên tay, bổ mạnh vào chiếc bình để cứu đứa bé. Kẻ không dám đập chiếc bình vì xót của, tiếc một vật quý giá có niên đại hàng nghìn năm; kẻ thì sợ ảnh hưởng đến thần linh, nhưng tựu chung lại đó chính là biểu hiện của việc lựa chọn sự ích kỉ, vô cảm - vô cảm trước mạng sống của người khác.

Sự lựa chọn luân lí của các nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp còn được thể hiện rõ nét trong *Cháy đi sông ơ*. Khi nhân vật *tôi* bị ngã xuống sông, bị nước lũ cuốn đi, cả trùm Thịnh là người đã đồng ý cho nhân vật *tôi* đi theo lẫn những người đánh cá xung quanh đều không một ai cứu giúp. Những người đánh cá có lẽ là không cứu ai chết đuối, nếu cứu thì hà bá sẽ bắt người đó phải chết thay. Cân đo đong đếm giữa mạng sống của kẻ khác và mạng sống của chính mình, họ đã lạnh lùng lựa chọn bảo vệ bản thân. Trong hoàn cảnh ấy, chỉ có nhân vật Thắm là liều mình lao xuống cứu. Qua lời kể của bà lão ở phần cuối truyện, nhà văn hé mở cho người đọc, Thắm không chỉ cứu riêng nhân vật *tôi*, mà còn cứu không biết bao nhiêu người khác ở khúc sông này. Nhân vật Thắm chính là biểu tượng của con người dám hi sinh bản thân,

là người đã có lựa chọn theo đúng luân lý đạo đức. Thậm chí dù biết rõ về bản chất và tâm tính của những người đánh cá đêm, chị Thắm vẫn an ủi nhân vật *tôi* bằng cách bào chữa: “Đừng trách họ thế. Có ai yêu thương họ đâu... Họ đói mà ngu muội lắm” [11; 70]. Một người lương thiện và giàu lòng nhân ái như thế, đáng lẽ, Thắm phải có một cuộc sống hạnh phúc, một cái kết viên mãn vẹn tròn. Thế nhưng, Nguyễn Huy Thiệp đã để Thắm chết, một cái chết hết sức đặc biệt: chết đuối khi rơi xuống sông mà không có người cứu. Lựa chọn cái kết này, nhà văn muốn thể hiện sự lên án đanh thép những người sống thờ ơ, vô cảm. Nhất là khi sự thờ ơ, vô cảm ấy lại được biện minh, bao bọc bởi những câu chuyện, những lời đồn giàu màu sắc huyền thoại. Nhà văn muốn tái hiện bối cảnh xã hội đương thời, khi con người nương tựa vào những thế lực siêu nhiên để làm bình phong cho sự ích kỉ đến tàn nhẫn của bản thân.

2.2.2. Ứng xử của con người trước bản năng tính dục

Văn chương hiện đại thường chú trọng đến tính dục như một phần bản năng và là một đường kênh để soi chiếu nhân tính của con người. Nam Cao thường miêu tả bản năng tính dục trong các mối quan hệ tình yêu nam nữ. Tính dục xuất hiện trong mối quan hệ giữa Chí Phèo – Thị Nở, lang Rận – mụ Lợi, hay đơn giản là những câu đùa đẩy nẩy bông đùa, có phần “tục” của những cặp đôi trong các truyện *Con mèo*, *Truyện tình*, *Làm tổ*,... Trong đó, *Chí Phèo* là truyện ngắn có màu sắc tính dục và thể hiện sự lựa chọn luân lý của con người trước bản năng tính dục. Thị Nở, cũng như Nhi, mụ Lợi,... có điểm chung là bề ngoài xấu xí, bản thiêu, quái dị, nhưng bên trong lại mang khát vọng hướng thiện mãnh liệt. Nam Cao xây dựng nhân vật này có tính dờ dỗi, nhưng đó lại chính là chìa khóa để thị bước vào cuộc đời của Chí. Cả làng ai cũng tránh xa Chí, chỉ có mình Thị Nở thấy Chí Phèo hiền lành và chăm sóc hẩn. Chí Phèo bị ốm, Thị Nở chăm sóc và nghĩ “*giá thử đêm qua không có thị thì hẩn đã chết*” [10; 124]. Thị kiêu ngạo vì đã cứu sống một người, Thị thấy như yêu hẩn: “*đó là một cái lòng yêu của một người làm ơn*” [10; 124]. Còn Chí Phèo thì dựa vào tình yêu của Thị Nở để trở lại với cuộc đời. Trước đó, khi bị bà Ba bắt bóp chân, hẩn không hề có khao khát được làm vợ chồng như khi ở chung với Thị Nở. Khi bị bà Ba bắt ép, Chí Phèo cảm thấy nhục hơn là thấy thích. Đó là cái nhục của người đàn ông bình thường biết liêm sỉ và có lòng tự trọng. Là nhà phân tích tâm lý bậc thầy, Nam Cao thấy được sự cần thiết nảy sinh tình yêu giữa hai con người đều đang thiếu tình thương, đều cần được chở che, bảo vệ. Với ông, tình yêu, tình dục là một dạng của sự thăng hoa về tinh thần, gắn với sự giao cảm giữa các nhân vật.

Cũng nói về ứng xử luân lý của con người trước vấn đề tính dục, Nguyễn Huy Thiệp nhìn cuộc đời khắc nghiệt và lạnh lùng hơn Nam Cao. Những nhân vật của ông có thể thần nhiên đối thoại những chủ đề liên quan đến tình yêu, tình dục. Chẳng hạn, câu chuyện gia đình Lâm trong *Những bài học nông thôn*, một gia đình “tam đại đồng đường” nhưng mẹ Lâm và bà Lâm thần nhiên đề cập và bàn luận về những truyện dân tục ngay trước mặt con cháu: “Mẹ Lâm gạt đi: “Hồn nào! Chim bằng quả ớt thế thì làm các cụ ra sao?” Cái Khanh bụm miệng cười. Tôi đỏ mặt. Bà Lâm thở dài: “Các cụ toàn chim to...”. Mọi người cười lẫn, chỉ có bố Lâm không cười” [11; 134-135]. Thậm chí bà Lâm cũng không ngại đề cập những việc như thế trước mặt một người ngoài là nhân vật *tôi*. Chính lối trần thuật táo bạo này đã tạo nên kiểu tư duy trò chơi trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp. Bởi lẽ, con người sống trong đời luôn phải chịu sự kìm hãm của các quy phạm thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau: văn hóa, đạo đức, tâm lí... Lễ thường trong các cuộc giao tiếp, chúng ta phải giữ sự tôn trọng (nhất là khi có sự chênh lệch trong quan hệ liên cá nhân giữa các vai giao tiếp: vua – tôi, bố mẹ – con cái, ông bà – cháu...). Thậm chí, cần tránh đề cập đến những vấn đề tục tĩu để không gây phản cảm. Nhưng trong *Những bài học nông thôn*, những chuyện tục tĩu, cấm kị lại được mang ra đối thoại giữa gia đình một cách tự nhiên, thậm chí có phần thích thú. “Luật chơi” của Nguyễn Huy Thiệp cho phép các nhân vật của ông sử dụng ngôn ngữ mang màu sắc tính dục không che giấu, không hù dọa. Thế nên, bản chất của nhân vật dễ dàng bộc lộ chỉ qua ngôn ngữ đối thoại (Nguyễn Huy

Thiệp rất ít sử dụng ngôn ngữ độc thoại và độc thoại nội tâm, độc thoại nửa trực tiếp giống như Nam Cao). Trở lại với vấn đề ứng xử của con người trước vấn đề tính dục, nhà văn thể hiện một tư tưởng đậm tính nhân bản khi miêu tả nhân vật tôi gần gũi với biến cố bất ngờ - “trở thành người lớn”. Đó là khi cậu vô tình nhìn thấy “quần áo ướt dính chặt vào người chị Hiền với cái Khanh... Những đường cong cân đối gợi cảm lạ lùng”, rồi khi “chị Hiền như vô ý xấp lại để đùi chạm vào người tôi [...] tôi bần rùn, hàm cứng lại... Tôi không thờ được nữa, chân khuyu xuống bãi cát, người run bắn lên... Tôi thờ dốc, nằm lẫn lộn trên bãi cát ướt... Tôi nằm úp giữa đám cá tôm mà phóng tính, miệng ngoạm đầy cát... Một nỗi sợ hãi lẫn khoan khoái trào dâng lòng tôi” [11; 142]. Tư tưởng nhân bản thể hiện qua việc tôn trọng nhu cầu khai phóng bản năng và những rung động bình thường giữa những người khác giới của một chàng thanh niên 17 tuổi.

Không chỉ vậy, truyện ngắn *Không có vua* của ông đề cập rõ nét đến vấn đề cấm kỵ luân lý. Truyện viết về một gia đình tập trung quá nhiều đàn ông với đủ loại tính cách, nghề nghiệp khác nhau. Lão Kiên có hành động bỉ ổi là bắc ghế nhìn trộm con dâu tắm, còn Đoàn không chỉ đòi ngủ với Sinh là chị dâu của mình mà còn quyết định tán tỉnh, tấn công cô Mỹ Trinh là con gái của ông chủ Ánh Sáng Ban Ngày để trục lợi. Đối với Đoàn, tình yêu không quan trọng bằng những giá trị vật chất mà hôn nhân mang lại. Do đó, không thể nói tình yêu của Đoàn - Trinh là tình yêu hợp luân lý. Khi Đoàn nhìn thấy hành vi bỉ ổi của cha mình thì đã lên án, phán xét như một vị quan tòa đích thực, nhờ thế Nguyễn Huy Thiệp đã mang đến cho người đọc một cách nhìn khác về những hành động này. Suy cho cùng, lão Kiên có những hành vi xấu ấy vì đã lựa chọn sống vì con mà không đi thêm bước nữa. Do đó, từ một người có hành vi xấu, lão được đưa con tha thứ; và cũng từ một người sống toan tính, xấu xa, Đoàn trở thành một người khác khi nhận ra mâu chốt của vấn đề, thấy mình có lỗi với bố và nói lời xin lỗi. Nếu xuất phát từ chuẩn mực đạo đức của xã hội, hành động mang tính cấm kỵ luân lý của Kiên và Đoàn khiến người đọc thấy kinh sợ và đáng bị phê phán, nhưng từ góc độ con người, nó có thể được cảm thông khi con người phải kìm giữ mình trước rất nhiều áp lực.

Có thể thấy, cả Nam Cao và Nguyễn Huy Thiệp cùng xây dựng những tình huống mà nhân vật được đặt trước bản năng tính dục của chính mình. Nhưng với Nam Cao, tình dục mang bản chất mỹ học và nhân bản. Nó giúp tôn vinh con người, khơi dậy trong họ những giá trị tiềm ẩn, khai phóng những nét đẹp ẩn giấu trong tâm hồn: khát vọng đời thường và ước mơ về tổ ấm (với Chí Phèo); sự nữ tính và đức hi sinh trong tình yêu (với Thị Nở); sự đồng cảm lớn lao giữa những con người bất hạnh như Nhi và Đức trong *Nửa đêm...* Còn trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, tình dục thường được đặt trong mối quan hệ giữa kẻ có bản năng – đối tượng để thỏa mãn bản năng, người chinh phục – kẻ phục tùng, kẻ xâm hại – nạn nhân, từ đó, đem đến cái nhìn đa diện về con người. Những trải nghiệm cấm kỵ luân lý, phi trật tự luân lý chính là một dạng thức giải phóng xung năng và ản ức, là một cách thể hiện quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn.

2.2.3. Ứng xử của con người khi lý tưởng và nhân cách bị đe dọa

Con người là một thực thể có sự thống nhất biện chứng giữa hai phương diện tự nhiên và xã hội. Nếu chỉ nhìn vấn đề luân lý sinh tồn từ góc độ con người bản năng là chưa đủ, mà còn cần đặt con người dưới góc độ xã hội. Truyện ngắn của Nam Cao và Nguyễn Huy Thiệp đã gợi mở nhiều suy ngẫm khi đặt con người trước những tình huống mà lý tưởng và nhân cách bị đe dọa.

Nam Cao thường đặt nhân vật vào những tình huống buộc phải lựa chọn giữa cái chết và sự “sống mòn”. Đó là lúc vấn đề đạo lý được bộc lộ rõ nét. Với lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên, khi phải lựa chọn giữa tình phụ tử, lòng tự trọng với sự sống, miếng ăn, lão đã lựa chọn cái chết để có thể giữ lại tiền và vườn cho con của mình. Đó như là sự chuộc lỗi của người cha bất lực, không thể đem đến cuộc sống hạnh phúc, yên ấm, sung túc cho con. Cái chết của lão Hạc, bên cạnh ý muốn chuộc lỗi vì đã trót lừa con chó, phần lớn là vì lão cảm thấy day dứt và không

muốn phạm vào số tiền dành dụm cho con. Để miêu tả cái chết cũng như tác động mà cái chết của lão Hạc mang lại, Nam Cao đã khéo léo lựa chọn tình huống nhận thức như một phương cách để lí giải về sự lựa chọn luân lí của nhân vật. Với sự đánh lạc hướng của nhân vật Binh Tư, ông giáo đã hiểu lầm lão Hạc rằng dù là người tốt đến mấy thì cũng sẽ có lúc phải sa đoạ, phải bán rẻ nhân cách và phẩm giá của mình để đi đánh bả chó. Tình huống này càng được làm nổi bật khi đặt bên cạnh chi tiết lão Hạc khóc như một đứa trẻ khi nghĩ rằng mình đã lừa bán con chó Vàng. Nhưng khi ông giáo chứng kiến cái chết vật vã đau đớn của lão, mọi nút thắt đã được cởi bỏ. Lão Hạc chính là hiện thân của con người tuân đạo, chết để bảo vệ phẩm giá, chết để bảo vệ nhân cách của một người cha, nhân cách của con người. Khi đứng trước lựa chọn sống mà làm liên lụy đến người khác và chết để không phiền hà đến ai, lão Hạc đã có sự lựa chọn luân lí cho riêng mình: lựa chọn cái chết, một cái chết tuy đau đớn, thống khổ nhưng có thể đem lại cho lão sự thanh thản. Không chỉ là sự thanh thản vì đã chuộc được tội với con Vàng mà còn là sự thanh thản vì đã giữ được tiền, giữ được vườn cho con; vì không phiền lụy đến hàng xóm, đặc biệt là nhân vật ông giáo - một người mà lão rất tôn trọng.

Trong *Lang Rận*, câu chuyện tình yêu giữa lang Rận, ông lang “chết đói, chết khát”, “người dở người, con giun chết dở con giun chết” [10; 461] với mụ Lợi, người đàn bà quá lứa làm người ở cho gia đình ông cự Đẩu đã mang lại chút thú vị cho cuộc đời “nhàn phèo và buồn tẻ” [10; 469] của bà cự và cô Đính. Hai người đàn bà nhàn rồi kia coi đó là một trò tiêu khiển. Họ đắc chí khi bắt được quả tang lang Rận vào buồng mụ Lợi lúc nửa đêm. Họ bí mật khóa trái cửa, tưởng tượng đến trò vui sáng hôm sau. Nhưng họ không thể ngờ rằng, khi mỗi tình muông mành và nhiều lỗ dờ kia bị phát giác, lang Rận đã tìm đến cái chết. Họ không ngờ và không hiểu. Nhưng độc giả thì không thể không xúc động trước hành động có phần cực đoan nhưng là hệ quả của lòng tự trọng và *ý thức luân lí* thâm kín mà quyết liệt ở lang Rận. Trong toàn thiên truyện, những dòng miêu tả tâm lí lang Rận không xuất hiện nhiều. Cuối tác phẩm, trước khi quyết định tìm đến cái chết, Nam Cao đã để cho nhân vật dần vật, vật vã trong những cung bậc tăng dần của cảm xúc: “Y then. Y buồn. Y giận đời. Y giận thân. Y tím ruột bầm gan. Y nghĩ đến cái nhục sáng hôm sau” [10; 471]. Ngắn gọn, đơn giản vậy nhưng cũng đủ giúp người đọc hình dung được sự giằng xé nội tâm vô cùng mãnh liệt trong đáy sâu tâm hồn nhân vật. Phải chăng, từ sự vật vã đau đớn đó, nhà văn muốn nói với chúng ta rằng, lòng tự trọng là món quà thiêng liêng mà tạo hóa đã ban cho mỗi con người. Để bảo vệ nó, người ta có thể hi sinh cả mạng sống của mình. Sự sống trên phương diện vật chất sẽ không còn ý nghĩa khi lòng tự trọng bị tổn thương. Bởi vậy, khi biết tình cảm thiêng liêng sẽ bị đem ra làm trò cười trước bàn dân thiên hạ, con người nghèo khổ, rách rưới, xấu xí đó đã tìm đến cái chết. Tính chất nghịch dị và sự miêu tả nhân vật mang tinh thần nhân đạo chủ nghĩa đã làm nổi bật sự lựa chọn luân lí của nhân vật trong truyện ngắn này. Với lang Rận, tự trọng chính là nét nhân cách đáng quý, đáng trọng đến mức phải dùng mạng sống để bảo vệ.

Không chỉ vậy, Nam Cao rất thành công khi viết về những con người, những mảnh đời chật hẹp bị mất đi lí tưởng của bản thân, nhất là ở mảng đề tài về người trí thức. Có những người giàu lòng nhân đạo và tình yêu thương như Điền trong *Giăng sáng* và *Nước mắt*; có những người ăn năn hối hận về lỗi lầm của mình như Hộ trong *Đời thừa*; có những người được miêu tả trong sự hài hước đến đau xót như Hải trong *Quên điếu độ*, ... Qua họ, Nam Cao dựng lên những hoàn cảnh điển hình, tập trung nhiều mâu thuẫn, nhiều cảnh ngộ éo le. Đi vào đời sống nội tâm của họ, ông nhìn thấy những biểu hiện tốt đẹp của đạo làm người bên trong họ. Ông đã thể hiện được quá trình đấu tranh day dứt của cái thiện và cái ác, chống lại cám dỗ vật chất trong những người trí thức nghèo. Ở mức độ cao hơn, Nam Cao phản ánh được tâm trạng điển hình của những con người đang âm thầm chống lại cái chết mòn về tâm hồn và thể hiện những hi vọng vươn tới một xã hội tốt đẹp hơn, công bằng hơn.

Trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, khi đứng trước tình huống bị đe dọa về nhân cách, có nhân vật lựa chọn giữ gìn, bảo vệ phẩm giá đến cùng; nhưng cũng có người chấp nhận đánh mất đi phẩm giá để đổi lấy tiền bạc, quyền lực,... Nhắc đến những nhân vật không khuất phục trước cường quyền và vật chất, cố gắng đến cùng để bảo vệ nhân phẩm, không thể không nhắc đến Ngô Thị Vinh Hoa trong *Phẩm tiết*, một người phụ nữ để Quang Trung và vua Gia Long phải mê đắm nhưng vẫn quyết giữ mình trong sạch. Vua Quang Trung đối xử ân cần, lấy lễ mà cư xử, hết lòng yêu thương chiều chuộng nhưng “Vinh Hoa vẫn một mực không cho nhà vua thành thân” [11; 244]. Vũ Văn Hoàn là tướng triều Nguyễn, bất trối và muốn làm nhục nàng nhưng Vinh Hoa không chịu. Đến Gia Long, nhà vua “muốn sở hữu nàng như nuôi con gà, con vịt trong nhà” [11; 245] nhưng cũng không thể chiếm được thân và tâm của nàng. Ngô Thị Vinh Hoa tồn tại trong tác phẩm như một huyền thoại về cái đẹp, một cái đẹp xa xôi, bí ẩn, không thể độc chiếm và sở hữu dù bằng tiền tài, danh vọng, địa vị hay thậm chí là quyền uy tột đỉnh.

Cũng như vậy, Nguyễn Du trong *Vàng lừa* dù phải sống một cuộc đời đặm bạc, không được hưởng thụ cao sang quyền quý nhưng vẫn sống một cách hồn nhiên, dân dã. Sinh trong *Không có vua* cũng là một người phụ nữ biết giữ gìn phẩm giá của mình. Lọt vào một gia đình không phép tắc, quy củ, nơi mà mọi thành viên đều tập trung rất nhiều điều xấu xa, bỉ ổi, bản thân phải gánh chịu bao nỗi oan ức, trớ trêu nhưng Sinh vẫn có thể kiểm soát ý thức luân lí của bản thân.

Bên cạnh những người sẵn sàng hi sinh tất cả để giữ gìn nhân phẩm thì vẫn có những người sẵn sàng đánh đổi tất cả để có một cuộc sống sung túc giàu có, quyền lực. Nhân vật Thủy trong *Tướng về hưu* là kẻ sẵn sàng từ bỏ, làm ô uế đi nhân cách của bản thân cốt để kiếm tiền. Cô thông minh, nhanh nhạy, biết tính toán, giỏi đoán ý người khác, tinh tế, khéo léo, lo liệu chu toàn mọi chuyện trong cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, sự tinh táo đến lạnh lùng, sự trục lợi đến ghê rợn mới là thứ làm cho Thủy đánh mất đi nhân cách. Thủy sẵn sàng đem những thai nhi bị bỏ rơi ở viện sản về cho vào phích nấu cho chó, cho lợn. Với cô, dường như những thai nhi bé bỏng tội nghiệp kia chỉ như những miếng thịt thừa mà người bán hàng ngoài chợ vớt lại, có thể mang về cho chó, cho lợn ăn mà không cần suy nghĩ. Đó là một hành động máu lạnh và thiếu tình người của kẻ bất chấp tất cả để có một cuộc sống no đủ, ổn định. Đứng trước lựa chọn mang tính luân lí, Thủy là chấp nhận đánh mất nhân cách để có cuộc sống đủ đầy, sung túc. Chỉ điều đó thôi, cô đã không còn tư cách con người, chưa nói đến là một người được sĩ, y sĩ thiếu đi y đức. Khi miêu tả câu chuyện ấy, Nguyễn Huy Thiệp như nhập tâm vào *tôi* để thể hiện sự đau đớn, nhức nhối trước thực trạng xã hội loài người với những kẻ tự xưng là con người nhưng sẵn sàng ăn thịt, sống trên xương máu của đồng loại.

Trong truyện ngắn *Cún*, Diệu là một nhân vật có thể bất chấp tất cả nhân phẩm của con người, chỉ để làm mình thỏa mãn. Khi cho Cún tiền, cô không cho một cách bình thường mà như bố thí, hơn nữa còn như biến Cún trở thành một thú vui, một thứ đồ chơi để tạo cho mình cảm giác khoái trá – thứ khoái trá khi có thể hành hạ người khác tùy theo ý thích của bản thân. Không chỉ vậy, dù không yêu thương nhưng cô sẵn sàng bán rẻ nhân phẩm và thân thể của mình để có tiền dù đó là tiền mà lão Hạ để lại cho Cún và là số tài sản duy nhất mà Cún sở hữu. Trước những cái nhìn vàng sáng loáng, cô sáng mắt và quên hết mọi đau khổ của cuộc hôn nhân tan vỡ, sẵn sàng trao thân gửi phận cho người mình không yêu, đùa cợt với tình cảm của người khác, chiếm đoạt số tiền mà mình muốn có.

Như thế, dù cùng đặt nhân vật đứng trước những nhu cầu tự nhiên và xã hội, nhưng hai nhà văn có những cách thể hiện khác nhau trước vấn đề luân lí sinh tồn. Nam Cao kiên định với triết lí tình thương, đi tìm những hạt ngọc lấp lánh ẩn giấu trong tâm hồn con người. Nguyễn Huy Thiệp lại sử dụng lăng kính lưỡng phân thiện – ác để soi chiếu *sự bất toàn* trong mỗi cá nhân. Kể cả những kẻ tì tiện nhất cũng không xấu hoàn toàn, chỉ là do bản tính lương

thiện của họ chưa có điều kiện bộc lộ. Và ngược lại, ngay cả những con người hoàn mỹ nhất, đôi khi cũng có những thói tật khó chấp nhận. Có sự khác nhau ấy, ngoài hoàn cảnh xã hội, trải nghiệm cuộc sống mỗi nhà văn, còn do sự thể hiện của cái tôi, cá tính sáng tạo độc đáo của mỗi người.

3. Kết luận

Tóm lại, bài viết đã tìm hiểu vấn đề sinh tồn trong truyện ngắn của Nam Cao và Nguyễn Huy Thiệp từ góc nhìn phê bình luân lý học văn học, qua đó, diễn giải những quan điểm về đạo đức, luân lý trong sáng tác của hai nhà văn. Ở Nam Cao, triết lý tình thương và tư tưởng nhân văn xuyên suốt trong các sáng tác chính. Ông thể hiện niềm tin vào khả năng con người có thể đứng vững và vượt qua những thử thách khắc nghiệt trong cuộc sống bộn bề. Còn với Nguyễn Huy Thiệp, ông rung lên hồi chuông cảnh báo trước thực trạng hỗn độn, chao đảo thời đổi mới, các chuẩn mực đạo đức cũ tỏ ra bất lực trước những chuyển biến của thời cuộc. Chính từ đó, nhà văn gửi gắm một thông điệp: Con người ngày nay cần có đủ sự cảm thông để nhận ra cái xấu – tốt của đồng loại; cần có đủ tinh táo để phân biệt đúng – sai; cần có tinh thần tự vấn để hoài nghi trước mọi điều khả tín. Qua việc tìm hiểu vấn đề luân lý sinh tồn, bài viết còn chứng minh tính khả thi của việc vận dụng lý thuyết và hệ thống khái niệm công cụ của phê bình luân lý học văn học vào nghiên cứu văn học Việt Nam.

***Ghi chú:** Bài viết thuộc đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ: *Văn xuôi Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945 từ góc nhìn phê bình luân lý học văn học*. Mã số: B2023-SPH-01.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nhiếp Trần Chiêu, 2005. Về phê bình luân lý học văn học. *Tạp chí Nghiên cứu văn học nước ngoài*, số 1, tr. 8-11.
- [2] Nhiếp Trần Chiêu, 2010. Phê bình luân lý học văn học: Thuật ngữ và lý luận cơ bản. *Tạp chí Nghiên cứu văn học nước ngoài*, số 1, tr. 13-22.
- [3] Nhiếp Trần Chiêu, 2014. *Dẫn luận phê bình luân lý học văn học*. Nxb Đại học Bắc Kinh.
- [4] Nhiếp Trần Chiêu, Vương Tùng Lâm chủ biên, 2020. *Nghiên cứu lý luận phê bình luân lý học văn học*. Nxb Đại học Bắc Kinh.
- [5] Đỗ Văn Hiểu, 2016. Phát triển Phê bình luân lý học văn học ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 5, 50-55.
- [6] Nguyễn Anh Dân, 2018. Về Phê bình luân lý học văn học. *Tạp chí Cửa Việt* số 291, tháng 12/2018 <https://tapchicuaviet.com.vn/van-hoa-thoi-dai/ve-phe-binh-luan-ly-hoc-van-hoc-11782.html>
- [7] Nguyễn Anh Dân, 2018. “Adam, Eva, trái cấm vườn địa đàng và phê bình luân lý học văn học”, <https://caybuttre.vn/adam-eva-trai-cam-vuon-dia-dang-va-phe-binh-luan-li-hoc-van-hoc/>
- [8] Nguyễn Anh Dân, 2018. “Nhiếp Trần Chiêu và lý thuyết phê bình luân lý học văn học”. *Tạp chí Khoa học và Giáo dục*, Trường Đại học Sư phạm Huế, Số 02 (46), tr.15-23.
- [9] Nguyễn Đăng Mạnh, 1994. *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Nam Cao, 1987. *Tuyển tập Nam Cao*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Huy Thiệp, 2020. *Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [12] Trần Đăng Suyền, 2004. *Nhà văn – Hiện thực đời sống và cá tính sáng tạo*. Nxb Văn học, Hà Nội.

ABSTRACT

Survival ethicality in Nam Cao's and Nguyen Huy Thiep's short stories

Vu Long Hiep*¹ và Nguyen Thi Minh Thuong²

¹ *Xa La High School, Ha Dong, Hanoi*

² *Faculty of Philology, Hanoi National University of Education*

The theory of ethical literary criticism and its basic aspects has the potential to be widely applied to the practice of Vietnamese literary research. However, at present, this theory remains sensational in our country; as the result, there is not much research on it. This article, from the survey and analysis of short stories by Nam Cao and Nguyen Huy Thiep, initially explores some manifestations of survival ethicality in the short stories of the two writers, analyzes and interprets to emphasize the ethical sense and ethical decisions. According to some research, both writers did notice of the issues relating to survival ethicality in their works. Among those issues, three typical aspects are analyzed and compared: human behaviors when facing hunger and threats to life; human behaviors relating to sexual instinct; human behaviors in the event of that their moral of life and personality are threatened. Although both writers have their own ways to present survival ethicality, the same controversial issue is approached, which is that humans are willing to trade off everything to satisfy their natural needs, even if it is unethical.

Keywords: ethical literary criticism, survival ethicality, Nam Cao, Nguyen Huy Thiep, comparison.